TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 01 -2019
"V/v Ly hôn giữa chị N và anh Tánh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Tuyết Nhung

2. Bà Võ Thị Kim Linh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.*

Ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 467/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp Phú A B, xã Phú V, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; (có mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp Phú A B, xã Phú V, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày :

- Về hôn nhân: chị N và anh Tsống chung với nhau năm 1993 có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù

hợp, anh Tkhông chăm lo cho gia đình và không chung thủy, đã không sống chung từ tháng 2/2018 đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

- Về nuôi con chung: Chị N và anh Tcó 03 đứa con chung tên Nguyễn Thị Tho – sinh ngày 10/6/1994 (đã trưởng thành); Nguyễn Thị Mỹ Th– sinh ngày 25/4/2008 và Nguyễn Thị Kim Nh – sinh ngày 03/10/2014. Khi ly hôn chị N yêu cầu được quyền nuôi, không yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N cho rằng trong quá trình sống chung với anh Tkhông tạo lập được tài sản, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Tthống nhất như lời trình bày của chị N về thời gian và điều kiện kết hôn cũng như mâu thuẩn vợ chồng, anh Tđồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

- Về nuôi con chung: Anh Tthống nhất như lời trình bày của chị N về con chung; anh T đồng ý giao Nguyễn Thị Mỹ Th– sinh ngày 25/4/2008 và Nguyễn Thị Kim Nh – sinh ngày 03/10/2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Anh Tthống nhất như lời trình bày của chị N là không tạo lập được tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Võ Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu T có nơi cư trú: Tổ 9, ấp Phú A B, xã Phú V, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa anh Nguyễn Hữu T vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1]Về hôn nhân: Chị N và T sống chung từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn, sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn là bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nhau, dẫn đến mâu thuẩn vơ chồng ngày càng trầm trọng, đã không còn sống chung với nhau từ tháng 2/2018 đến nay, chị N yêu cầu ly hôn anh Tcũng đồng ý. Xét thấy mặc dù chị N và anh Tthuận tình ly hôn, nhưng do chị N và anh Tsống chung không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hữu T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh Tcó 03 đứa con chung tên Nguyễn Thị Tho – sinh ngày 10/6/1994 (đã trưởng thành); Nguyễn Thị Mỹ Th– sinh ngày 25/4/2008 và Nguyễn Thị Kim Nh – sinh ngày 03/10/2014; cháu Th và cháu Nhđang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Th và cháu Nho, không yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con, Anh Tcũng đồng ý theo yêu cầu của chị N về nuôi con chung, sư thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu Th là được tiếp tục sống với chị N. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị N và anh Tánh.

Anh Tcó quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở anh Tthực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T thống nhất không có tài sản chung cũng như không có nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí chị Tâm phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang theo biên lai thu số 00016011 ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 11; 92,93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hữu T.

- *Về nuôi con chung*: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hữu T, chị Võ Thị N được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Mỹ Th– sinh ngày 25/4/2008 và Nguyễn Thị Kim Nh – sinh ngày 03/10/2014, chị N không yêu cầu anh Nguyển Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị N tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh Nguyễn Hữu T đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Nguyễn Hữu T thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung:* không có.

- Về nợ chung: không có

- *Về án phí*: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang biên lai thu số: 00016011 ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Chị Võ Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa cũng có quyền kháng cáo trong thời hạn trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã Vĩnh Xương;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hòa Bình